

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH HÀ TĨNH

Bản án số: 23/2017/HSST

Ngày: 22-8-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Hoài, Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

Ông Phạm Thành, Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Giang và bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trọng Thường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án Hình sự thụ lý số 16/2017/TLST-HS ngày 18/5/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Sỹ N** - Sinh ngày 30 tháng 12 năm 1989;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh;

Trình độ văn hóa: Lớp 12/12;

Nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông: Nguyễn Sỹ N Sinh năm 1958 Nghề nghiệp: Hưu trí;

Con bà: Đặng Thị L Sinh năm 1959 Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Hiện nay bố mẹ đều trú tại tổ dân phố 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh;

Anh chị em ruột: Có 2 người, bị can là con thứ 2;

Vợ: Trương Thị D, Sinh năm 1989, Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Hiện sống tại: Tổ dân phố 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Con: có 01 người, sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị khởi tố bị can ngày 24/11/2016, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2016 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Nguyễn Sỹ H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt

3. Trần Nguyên T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số nhà 151, đường Nguyễn Văn C, khối 23, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An- Vắng mặt

4. Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1971; Địa chỉ: Xóm 2, Văn G, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt

5. Nguyễn Hữu T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

6. Trần Văn L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Xóm 1, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt

7. Phan Ngọc N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

8. Ngô Văn C, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khối phố 3, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Có mặt

9. Dương Văn L, sinh năm 1950; Địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An – Có mặt

10. Nguyễn Tiến V, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

11. Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt

12. Nguyễn Tất T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 106, đường L, khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương - Vắng mặt

- *Người đại diện theo uỷ quyền của anh T: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1951*

Địa chỉ: Khối Tân L, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An - Có mặt

13. Dương Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà 65, đường L, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Có mặt

14. Vương Khả P, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt.

15. Dương Kim H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà 21, Ngõ 10, đường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

16. Võ Thị H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số nhà 41, đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Có đơn xin vắng mặt

17. Hồ Văn C, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số nhà 166, đường T, tổ dân phố 6, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt

18. Lê Thị T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khối 7, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt

19. Trần Văn Đ, sinh năm 1988; Nơi ĐKKHKT: xã V, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh

Chỗ ở: Số nhà 34/7 đường T, Quận , thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

20. Trần Thị Hồng V, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khối phố Hậu Thượng, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (số nhà 21, ngõ 116, đường N) – Có đơn xin vắng mặt

21. Trần Thị H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt

22. Lê Thị Thái B, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khối phố Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Có đơn xin vắng mặt

23. Nguyễn Văn P, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

24. Trần Thu H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 267, đường N, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Có đơn xin vắng mặt

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Trương Thị D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

2. Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt
3. Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Xóm L, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt
4. Hoàng Thị H, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khối phố 6, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An - Có mặt
5. Nguyễn Quốc T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khối phố 2, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt
6. Đặng Thái T, sinh năm 1951; Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Ng, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt
7. Nguyễn Như H, sinh năm 1953; Địa chỉ: Khối phố T, phường V, thành phố Hà, tỉnh Hà Tĩnh (Số nhà 9B, đường Nguyễn B, phường V) - Có mặt.
8. Trương Hữu D, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt
9. Vương Khả M, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà 10/19 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương - Có đơn xin vắng mặt
10. Phạm Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt
11. Nguyễn Quang V, sinh năm 1973; Địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt
12. Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện Nghi X, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt
13. Hoàng Thị Y, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khối phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt
14. Nguyễn Trí K, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ dân phố 12, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt
15. Nguyễn Hoài N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt
16. Dương Thị L, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số nhà 15, đường T, khối phố 3, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Có mặt
17. Nguyễn Văn N, sinh năm 1936; Địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của ông N: Anh Nguyễn Phi L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khối phố 2, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt

18. Phạm Thị Ánh D, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số nhà 69, khối phố 3, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

19. Phạm Hữu C, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khối phố Hợp T, phường Thạch L, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

20. Lê Hữu C, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà 29, ngõ 3, đường P, khối 4, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

21. Trần Thị T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khối 7, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

22. Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

23. Trần Thị H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số nhà 55, đường N, tổ 3, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

24. Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ 4, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

25. Đậu Thị Kim L, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số nhà 55, đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Có đơn xin vắng mặt

26. Nguyễn Trung K, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà 83, đường N, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt

27. Hoàng Văn N, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số nhà 51, đường N, khối 10, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

28. Đặng Ngọc X, sinh năm 1981; Địa chỉ: Xóm Đông T, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

29. Dương Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số nhà 12, ngõ 9, đường P, khối 7, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt

30. Nguyễn Tam T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà 29A, đường P, tổ 8, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Sỹ N bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Sỹ N nguyên là cán bộ, lợi dụng các mối quan hệ quen biết N đã vay tiền của nhiều người để tiêu xài cá nhân, chơi lô đề, cá độ bóng đá dẫn đến

nợ nần, không có khả năng thanh toán. Số tiền Nguyễn Sỹ N đã vay nợ của 16 người là 2.260.000.000 đồng và 1000 USD. Bị các chủ nợ đòi ráo riết nhưng không có tiền để trả, Nguyễn Sỹ N bằng nhiều thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật như: N có nhiều mối quan hệ với nhiều người ở Bộ Công an và lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh nên có khả năng xin vào làm việc trong ngành Công an, Ngân hàng và các cơ quan Nhà nước, chạy điểm thi vào các trường... để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2014 đến tháng 11/2016, Nguyễn Sỹ N đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của 24 người trên địa bàn Hà Tĩnh, Nghệ An và Bình Dương với tổng số tiền **8.119.000.000 đồng** (Tám tỷ, một trăm mười chín triệu đồng). Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Nguyễn Sỹ N là bạn bè với anh Nguyễn Sỹ H làm việc tại Bộ Tư lệnh cảnh vệ - Bộ Công an. Vào khoảng tháng 5/2014, N biết H có nguyện vọng muốn xin về công tác tại Công an Hà Tĩnh nên N đã nói dối với H là N có nhiều mối quan hệ ngoài Bộ Công an có thể xin cho H về công tác tại Hà Tĩnh với chi phí hết 120 triệu đồng, anh H đồng ý và đưa cho N số tiền 120 triệu đồng. Sau khi nhận tiền của anh H, N đã sử dụng chi tiêu cá nhân và trả nợ cho người khác.

Hiện nay anh Nguyễn Sỹ H yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải trả lại cho H số tiền 120 triệu đồng.

Lần thứ hai: Vào đầu năm 2015, anh Nguyễn Quốc T giới thiệu, chị Nguyễn Thị T đến nhờ Nguyễn Sỹ N xin cho con gái là Kiều Thị Lê N vào làm ở Công an Hà Tĩnh. Nguyễn Sỹ N nói dối với chị T là N có người quen làm ngoài Bộ Công an, N sẽ xin được việc cho con gái chị T vào làm ở Công an tỉnh Hà Tĩnh với chi phí hết 600 triệu đồng. Tháng 6/2015, chị T vào thành phố Hà Tĩnh đưa cho N hai lần tổng số tiền 600 triệu đồng. Đến năm 2016, N tiếp tục nói dối với chị T hồ sơ của con gái chị T đã được duyệt và yêu cầu chị T đưa thêm 200 triệu đồng. Chị T chỉ đưa thêm cho N 100 triệu đồng, N hẹn tháng 9/2016 cháu N sẽ có quyết định tiếp nhận công tác. Số tiền Nguyễn Sỹ N đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T là 700 triệu đồng, N cho lại anh T 15 triệu đồng, số tiền còn lại N khai sử dụng đánh bạc, trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Thấy N không xin được việc cho con, chị Nguyễn Thị T nhiều lần yêu cầu N trả lại tiền, đến nay N đã trả lại cho chị T số tiền 350 triệu đồng. Anh Nguyễn Quốc T đã nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền 15 triệu đồng mà N đưa cho anh T, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền này. Hiện nay, chị Nguyễn Thị T yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải hoàn trả số tiền còn lại là 335 triệu đồng.

Lần thứ ba: Cuối năm 2015, anh Trần Nguyên T nhờ Nguyễn Sỹ N xin việc cho cháu Nguyễn Hoàng V (con gái chị Nguyễn Thị L trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) vào làm ở Sở nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh. Nguyễn Sỹ N nói với anh T chi phí hết 120 triệu đồng, đặt cọc trước 100 triệu đồng. Sau đó, chị Nguyễn Thị L đưa cho anh T số tiền 100 triệu đồng, kèm theo một bộ hồ sơ xin việc mang tên Nguyễn Hoàng V và nhờ anh T xin việc cho cháu gái chị L. Sau khi nhận tiền và hồ sơ từ chị L, ngày 10/11/2015, anh Trần Nguyên T vào thành phố Hà Tĩnh đưa cho Nguyễn Sỹ N bộ hồ sơ xin việc của cháu V và số tiền 100 triệu đồng, N hẹn trong tháng 12/2015, cháu V sẽ có quyết định đi làm (chị Nguyễn Thị L không biết Nguyễn Sỹ N và cũng không trực tiếp đưa tiền cho N).

Số tiền Nguyễn Sỹ N chiếm đoạt của anh Trần Nguyên T là 100 triệu đồng, N sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Hiện nay, anh T đã trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền 100 triệu đồng còn Nguyễn Sỹ N chưa trả lại cho anh T số tiền đã chiếm đoạt. Anh Trần Nguyên T yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải trả lại cho anh T số tiền 100 triệu đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng tháng 8/2015, thông qua anh Nguyễn Quốc T giới thiệu, chị Nguyễn Thị Hồng D đã nhờ Nguyễn Sỹ N xin cho con trai chị D vào học trường Trung cấp Công an ở Hà Nội, N nói dối với chị D, N có khả năng xin cho các trường hợp vào học trường Trung cấp Công an với chi phí hết 170 triệu đồng. Chị Nguyễn Thị Hồng D đồng ý và đã hai lần vào thành phố Hà Tĩnh đưa tiền cho N với số tiền 170 triệu đồng. Sau khi nhận tiền của chị D, N đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết mà không thực hiện cam kết như đã hứa với chị D.

Quá thời hạn cam kết nhưng không thấy con trai có quyết định đi học, chị D nhiều lần yêu cầu N trả lại tiền nên Nguyễn Sỹ N đã trả lại đủ cho chị D số tiền 170 triệu đồng.

Lần thứ năm: Vào khoảng tháng 10/2015, thông qua anh Nguyễn Quốc T giới thiệu, anh Nguyễn Hữu T đã nhờ Nguyễn Sỹ N xin cho cháu gái là Lê Thị Thúy H vào học Học viện Cảnh sát Nhân dân. Nguyễn Sỹ N gặp và nói dối với anh T là N có khả năng xin được cho cháu gái anh T vào học với chi phí hết 400 triệu đồng, đặt cọc trước 200 triệu đồng. Anh Nguyễn Hữu T đồng ý và đưa cho anh T số tiền 200 triệu đồng và nhờ anh T đưa cho Nguyễn Sỹ N để N xin cho cháu gái anh T đi học. Sau đó anh T đã đưa cho N số tiền 200 triệu đồng tại thị trấn Đ, huyện Đ.

Số tiền Nguyễn Sỹ N chiếm đoạt của anh Nguyễn Hữu T là 200 triệu đồng, N sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Đến tháng 7/2016, không thấy

giấy báo nhập học nên anh T nhiều lần gọi điện đòi tiền nên N đã chuyển trả lại 200 triệu đồng cho anh T.

Lần thứ sáu: Vào khoảng tháng 11/2015, Nguyễn Sỹ N nói dối với anh Trần Xuân C (trú tại xã X, huyện N) là N xin được mấy suất đi nghĩa vụ Công an sau đó chuyển vào được biên chế, nếu biết ai có nhu cầu thì giới thiệu cho N. Sau đó anh Trần Văn L (anh trai của anh C) đã liên hệ và nhờ N xin cho con trai anh L là Trần Tuấn V đi nghĩa vụ Công an, N nói với anh L là chi phí hết 250 triệu đồng, đặt cọc trước 200 triệu đồng, anh L đồng ý. Trong tháng 12/2015, anh L cùng anh C đã hai lần vào thành phố H đưa cho N số tiền 200 triệu đồng. Đến tháng 2/2016, N tiếp tục nói dối anh L là N cần tiền đi các xếp để lo việc cho con trai anh L nên bảo anh L chuẩn bị số tiền 30 triệu đồng bỏ vào 02 phong bì đưa vào thành phố H cho N.

Số tiền Nguyễn Sỹ N lừa đảo chiếm đoạt của anh Trần Văn L là 230 triệu đồng, N sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết, không có khả năng trả lại. Hiện nay anh Trần Văn L yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải trả lại cho anh L số tiền 230 triệu đồng.

Lần thứ bảy: Vào đầu năm 2016, thông qua Nguyễn Đình C giới thiệu, anh Phan Ngọc N đã liên hệ và nhờ Nguyễn Sỹ N xin cho anh N vào làm trong ngành Công an. Nguyễn Sỹ N nói dối với anh N là N có khả năng xin cho N vào công tác trong ngành với chi phí 500 triệu đồng, tháng 3/2016 sẽ có quyết định đi làm. Tháng 1/2016 và tháng 2/2016, anh N đã vào thành phố H chuyển tiền cho Nguyễn Sỹ N ba lần tổng số tiền 480 triệu đồng. Sau khi nhận tiền của anh N, N sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Tháng 5/2016, thấy không có quyết định tiếp nhận công tác nên anh N nhiều lần thúc giục N trả lại tiền nên đến tháng 8/2016, N đã trả lại số tiền 480 triệu đồng cho anh N.

Tháng 10/2016, Nguyễn Sỹ N tiếp tục gọi điện thoại cho Phan Ngọc N nói “*Có một suất vào Ngân hàng Nông nghiệp Hà Tĩnh với giá 400 triệu đồng, cần đặt cọc số tiền 200 triệu đồng*”. Ngày 25/10/2016, tại thành phố H anh Phan Ngọc N đưa cho N 150 triệu đồng. Sau khi nhận tiền N đã sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết, hiện chưa trả lại số tiền này cho anh N.

Số tiền Nguyễn Sỹ N đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Phan Ngọc N hai lần là 630 triệu đồng, N đã trả lại cho anh N số tiền 480 triệu đồng, còn lại 150 triệu đồng N không có khả năng hoàn trả. Hiện nay anh Phan Ngọc N yêu cầu N phải hoàn trả số tiền còn lại 150 triệu đồng.

Lần thứ tám: Khoảng tháng 2/2016, thông qua ông Nguyễn Như H giới thiệu, anh Ngô Văn C đã nhờ ông H trao đổi với Nguyễn Sỹ N để xin việc cho

cháu của anh C là Trần Anh Đ - con trai của chị Hoàng Thị H (trú tại phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An) vào công tác tại Công an tỉnh Nghệ An. Nguyễn Sỹ N nói với anh C là chi phí hết 400 triệu đồng và hứa với anh C tháng 5/2016 sẽ có quyết định tiếp nhận công tác. Sau đó chị Hoàng Thị H đưa cho anh C 400 triệu đồng, anh C đã đưa cho ông H số tiền này và nhờ ông H đưa cho N (chị Hoàng Thị H không biết và cũng không trực tiếp đưa tiền cho Nguyễn Sỹ N). Sau đó, ông H đã hai lần đưa cho N số tiền 400 triệu đồng tại nhà riêng của ông H ở phường V, thành phố H.

Số tiền Nguyễn Sỹ N lừa đảo chiếm đoạt của anh Ngô Văn C là 400 triệu đồng, N cho lại ông H 5 triệu đồng, số tiền còn lại N đã dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Hiện nay anh Ngô Văn C đã trả lại cho chị Hoàng Thị H số tiền 285 triệu đồng, còn Nguyễn Sỹ N chưa trả lại tiền cho anh C. Quá trình điều tra, ông H đã nộp lại cho cơ quan điều tra số tiền 5 triệu đồng, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Ngô Văn C số tiền này. Hiện nay, anh Ngô Văn C yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải hoàn trả số tiền còn lại là 395 triệu đồng.

Lần thứ chín: Vào khoảng tháng 2/2016, thông qua ông Trần Nguyên T giới thiệu, ông Dương Văn L đã nhờ Nguyễn Sỹ N xin việc cho con trai ông L là Dương Hải Q. Nguyễn Sỹ N nói dối với ông L là N có thể xin được cho con trai ông L vào công tác tại phòng Quản lý hành chính Công an tỉnh Nghệ An với chi phí là 570 triệu đồng, đặt cọc trước 500 triệu đồng. Tháng 3/2016, ông L cùng ông T đã hai lần vào thành phố H đưa cho Nguyễn Sỹ N số tiền 400 triệu đồng để nhờ N xin việc cho con trai. Ngày 25/10/2016, ông L tiếp tục chuyển khoản cho N số tiền 20 triệu đồng vào tài khoản của N tại Ngân hàng BIDV Hà Tĩnh.

Sau khi nhận tiền của ông L, Nguyễn Sỹ N cho lại ông T 20 triệu đồng, số tiền còn lại N dùng để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Quá trình điều tra, ông Trần Nguyên T đã nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền 20 triệu đồng, cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Dương Văn L số tiền này. Hiện nay, ông Dương Văn L yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải hoàn trả số tiền còn lại là 400 triệu đồng.

Lần thứ 10: Khoảng tháng 3/2016, thông qua anh Nguyễn Sỹ Q giới thiệu, anh Nguyễn Tiến V đã liên hệ với Nguyễn Sỹ N để nhờ N xin việc cho V vào ngành Công an. Nguyễn Sỹ N nói dối với anh V là N sẽ xin cho anh V vào công tác tại An ninh tị vi Nghệ An với chi phí hết 600 triệu đồng, đặt cọc 500 triệu đồng, tháng 7/2016, anh V sẽ có quyết định đi làm, anh V đồng ý. Trong tháng 4/2016, anh Nguyễn Tiến V cùng mẹ Trần Thị D và chị gái Nguyễn Thị N đã ba lần ra thành phố H đưa cho N số tiền là 520 triệu đồng.

Số tiền chiếm đoạt của anh V, N đã sử dụng để đánh bạc, trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Thấy N không xin được việc, anh V nhiều lần gọi điện yêu cầu

N trả lại tiền thì N đã trả lại cho anh V 15 triệu đồng, số tiền 505 triệu đồng còn lại N không có khả năng hoàn trả. Hiện nay anh Nguyễn Tiến V yêu cầu Nguyễn Sỹ N trả lại số tiền 505 triệu đồng.

Lần thứ 11: Vào khoảng tháng 3/2016, thông qua anh Nguyễn Tiến V giới thiệu, anh Nguyễn Văn T đã liên hệ nhờ Nguyễn Sỹ N xin việc cho chị Nguyễn Thị N (vợ anh T). Nguyễn Sỹ N nói dối với anh T là N có quen biết với lãnh đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và sẽ nhờ để xin cho chị N vào dạy văn tại trường Trung học cơ sở K, chi phí xin việc hết 120 triệu đồng, anh T đồng ý. Ngày 22/4/2016, anh T ra thành phố H đưa cho N 100 triệu đồng, ngày 9/5/2016, anh T tiếp tục ra thành phố H đưa cho N 20 triệu đồng.

Số tiền Nguyễn Sỹ N đã chiếm đoạt của anh T là 120 triệu đồng, N đã sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Hiện nay anh Nguyễn Văn T yêu cầu N phải trả lại số tiền 120 triệu đồng.

Lần thứ 12: Nguyễn Sỹ N và anh Vương Khả M, trú tại phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương là bạn bè với nhau. Vào khoảng tháng 5/2016, N nói với anh M là “*Bộ Công an đang có hai suất tuyển vào Công an tỉnh Bình Dương và Công an Thành phố Hồ Chí Minh*”. Anh M nói lại thông tin này với anh Nguyễn Tất T, trú tại phường P, Thành phố T. Sau đó anh Nguyễn Tất T liên hệ với Nguyễn Sỹ N xin cho con trai anh T là Nguyễn Mạnh D vào làm ở Công an tỉnh Bình Dương. Nguyễn Sỹ N nói với anh T chi phí hết 600 triệu đồng, đặt cọc trước 300 triệu đồng, anh T đồng ý. Ngày 23/5/2016, Nguyễn Sỹ N gặp anh Nguyễn Tất T và anh Nguyễn Văn C tại một quán ăn ở thành phố Hà Tĩnh, có sự tham gia của ông Trần Nguyên T, N giới thiệu với anh T có ông T là cán bộ lãnh đạo Vụ tổ chức cán bộ - Bộ Công an. Sau đó anh Nguyễn Hữu T đưa cho N một bộ hồ sơ xin việc của con trai, N hứa hẹn tháng 7/2016 sẽ có quyết định đi làm. Tháng 5/2016, vợ chồng anh Nguyễn Tất T đã chuyển cho Nguyễn Sỹ N hai lần tổng số tiền 300 triệu đồng vào tài khoản của N tại ngân hàng BIDV Hà Tĩnh.

Số tiền Nguyễn Sỹ N đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Tất T là 300 triệu đồng, N đưa cho lại ông T 5 triệu đồng, cho lại anh M 10 triệu đồng, số tiền còn lại N sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Ông Trần Nguyên T, anh Vương Khả M đã nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền 15 triệu đồng, cơ quan điều tra đã trả lại số tiền này cho anh Nguyễn Tất T. Hiện nay, anh Nguyễn Tất T yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải hoàn trả số tiền còn lại là 285 triệu đồng.

Lần thứ 13: Vào tháng 6/2016, thông qua ông Nguyễn Như H giới thiệu, chị Dương Thị L đã nhờ Nguyễn Sỹ N xin việc cho con gái là cháu Ngô Thị Huyền T vào làm ở Sở Công thương Hà Tĩnh. Sau khi trao đổi với N ông H nói lại với chị L là N sẽ xin việc cho cháu T với chi phí hết 200 triệu đồng. Chị

Dương Thị L đồng ý và đã đưa cho ông H 200 triệu đồng, nhờ ông H đưa cho N. Sau khi nhận tiền từ chị L, ông H đã đưa cho N hai lần số tiền 200 triệu đồng tại nhà riêng ông H ở phường V, Thành phố H. Ngày 11/11/2016, N bịa ra thông tin là điểm thi của con gái chị L thấp và yêu cầu gia đình chị L đưa thêm cho N 40 triệu đồng để N lo việc, chị L đồng ý và nhờ ông H đưa tiếp cho N số tiền 40 triệu đồng.

Số tiền Nguyễn Sỹ N đã chiếm đoạt của chị Dương Thị L là 240 triệu đồng, N cho lại ông H 5 triệu đồng, số tiền còn lại N sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Ông Nguyễn Như H đã nộp lại cho cơ quan điều tra số tiền 5 triệu đồng, cơ quan điều tra đã trả lại số tiền này cho chị Dương Thị L. Hiện nay, chị Dương Thị L yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải hoàn trả số tiền còn lại là 235 triệu đồng.

Lần thứ 14: Tháng 8/2016, Nguyễn Sỹ N gặp và nói với anh Vương Khả P là N có quen lãnh đạo ở Bộ Công an, sẽ xin cho vợ anh P là chị Nguyễn Thị T vào công tác tại Công an Hà Tĩnh với chi phí hết 850 triệu đồng, đặt cọc trước 800 triệu đồng, hứa đến tháng 9/2016 chị T sẽ có quyết định đi làm, anh P đồng ý và đưa tiền cho N ba lần số tiền là 800 triệu đồng tại thành phố H.

Sau khi nhận tiền của anh P, N sử dụng để đánh bạc, trả nợ và chi tiêu cá nhân hết, không còn khả năng trả lại. Hiện nay anh P yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải trả lại cho anh P số tiền 800 triệu đồng.

Lần thứ 15: Vào khoảng tháng 6/2016, thông qua ông Dương Đình H giới thiệu, ông Dương Kim H đã nhờ Nguyễn Sỹ N xin việc cho con trai là Dương Hồng S vào ngành Công an. Nguyễn Sỹ N nói với ông H là N sẽ xin cho cháu S vào ngành Công an với chi phí hết 600 triệu đồng, đặt cọc trước 100 triệu đồng, tháng 10/2016 sẽ có quyết định đi làm. Ngày 7/6/2016, ông H nhờ ông H đưa cho N số tiền 100 triệu đồng và ông H đã nhờ con trai là Dương Minh Đ chuyển số tiền này vào tài khoản của Nguyễn Sỹ N tại ngân hàng BIDV Hà Tĩnh. Ngày 29/7/2016, ông Dương Kim H đưa thêm cho N số tiền 200 triệu đồng tại nhà riêng của ông Hoàng.

Số tiền Nguyễn Sỹ N đã chiếm đoạt của ông Dương Kim H là 300 triệu đồng. Sau khi nhận tiền của ông H, N sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Hiện nay, ông Dương Kim H yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải trả lại cho ông H số tiền 300 triệu đồng.

Lần thứ 16: Vào tháng 8/2016, thông qua ông Nguyễn Như H giới thiệu, chị Võ Thị H đã nhờ Nguyễn Sỹ N xin việc cho con gái là Trịnh Thị Hằng H vào ngành Công an. Nguyễn Sỹ N nhờ ông H nói với chị H là N sẽ xin cho cháu

H vào ngành công an với chi phí hết 400 triệu đồng, đặt cọc trước 200 triệu đồng, đến tháng 9/2016 nếu không có quyết định đi làm N sẽ trả lại tiền. Ông Nguyễn Như H nói lại việc này với chị H, chị H đồng ý và nhờ ông H đưa cho Nguyễn Sỹ N số tiền 200 triệu đồng. Ngày 5/8/2016, sau khi nhận tiền từ chị H, ông H đã đưa số tiền này cho N tại nhà riêng của ông H ở phường V, thành phố H.

Số tiền Nguyễn Sỹ N đã chiếm đoạt của chị Võ Thị H là 200 triệu đồng, N đã sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Hiện nay chị H yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải trả lại cho chị H số tiền 200 triệu đồng.

Lần thứ 17: Nguyễn Sỹ N có mối quan hệ quen biết với ông Hồ Văn C, tháng 8/2016, N gặp vợ chồng ông C và nói dối là N có nhiều mối quan hệ ngoài Bộ Công an, N có thể xin được việc cho con gái ông C là cháu Hồ Thị Lê T vào làm ở bệnh xá Công an tỉnh Hà Tĩnh với chi phí hết 400 triệu đồng, cần đặt cọc 300 triệu đồng, tháng 10/2016 sẽ có quyết định đi làm, ông C đồng ý và đưa tiền cho N ba lần số tiền 600 triệu đồng tại nhà riêng của ông C.

Sau khi nhận tiền của ông C, N sử dụng để đánh bạc, trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Hiện nay ông Hồ Văn C không yêu cầu N phải hoàn trả lại số tiền này.

Lần thứ 18: Nguyễn Sỹ N có mối quan hệ quen biết chị Lê Thị T, tháng 8/2016, chị T nhờ N xin cho cháu Trần Ngọc M (con nuôi chị T) đi học các trường của ngành Công an. Nguyễn Sỹ N hứa sẽ xin cho cháu M vào học trường Trung cấp an ninh phía Nam với chi phí hết 300 triệu đồng, đặt cọc trước 250 triệu đồng, hẹn tháng 11/2016 sẽ có quyết định nhập học, chị T đồng ý. Ngày 26/8/2016, chị T chuyển 99 triệu đồng vào tài khoản của N tại ngân hàng Vietcombank Hà Tĩnh và đưa trực tiếp cho N 1 triệu đồng tiền mặt. Đến ngày 01/9/2016, chị T đưa trực tiếp cho N 140 triệu đồng tại xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Số tiền Nguyễn Sỹ N đã chiếm đoạt của chị T là 240 triệu đồng. Sau khi nhận tiền của chị T, N sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Hiện nay chị Lê Thị T yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải trả lại cho chị số tiền 240 triệu đồng.

Lần thứ 19: Nguyễn Sỹ N là bạn học cùng cấp 3 với anh Trần Văn Đ, anh Đ có em là Võ Văn T đang học trường trung cấp cảnh sát phía Nam chuẩn bị tốt nghiệp, có nguyện vọng muốn xin về công tác Công an huyện Đ, tỉnh L nên anh Đ đã nhờ N xin việc cho em. Nguyễn Sỹ N nói dối với Đ là N có người quen ở Công an tỉnh L có thể giúp được cho em anh Đ với chi phí 50 triệu đồng, anh Đ đồng ý. Ngày 29/8/2016, anh Đ chuyển 50 triệu đồng vào tài khoản của N tại ngân hàng Vietcombank Hà Tĩnh. Đến ngày 06/9/2016, Nguyễn Sỹ N tiếp tục

nói dối anh Đ là muốn về Công an huyện Đ phải đưa thêm 50 triệu đồng nữa để lo cho xong việc nên anh Đ chuyển tiếp cho N 50 triệu vào tài khoản ngân hàng Vietcombank của N.

Số tiền N đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Đ là 100 triệu đồng, N sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Hiện anh Đ yêu cầu N phải trả lại số tiền 100 triệu đồng.

Lần thứ 20: Qua các mối quan hệ xã hội, chị Trần Thị Hồng V đã liên hệ và nhờ Nguyễn Sỹ N xin cho em gái Trần Nguyễn Khánh H vào làm việc tại Công an tỉnh Hà Tĩnh, N nói dối với chị V là sẽ xin được với chi phí hết 800 triệu đồng, hẹn tháng 12/2016 sẽ có quyết định đi làm. Chị Trần Thị Hồng V đồng ý và đưa tiền cho N hai lần tổng số tiền 800 triệu đồng tại thành phố H.

Sau khi nhận tiền của chị V, Nguyễn Sỹ N đã đưa cho vợ là Trương Thị D 120 triệu đồng để chị D mua xe ô tô Mazda 3 (chị Trương Thị D không biết nguồn gốc số tiền này), số tiền còn lại N dùng để đánh bạc, trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Quá trình điều tra, chị Trương Thị D đã nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền 120 triệu đồng, cơ quan điều tra đã trả lại số tiền này cho chị Trần Thị Hồng V. Hiện nay, chị Trần Thị Hồng V yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải hoàn trả số tiền còn lại là 680 triệu đồng.

Lần thứ 21: Nguyễn Sỹ N có quen biết ông Đặng Thái T, trú tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Tháng 9/2016, qua ông T giới thiệu chị Trần Thị H đã nhờ ông T liên hệ với N để xin cho con trai là Nguyễn Trọng B vào học ngành Công an. Nguyễn Sỹ N nói với ông T là N sẽ xin được cho con trai chị H vào học trường Cao đẳng Cảnh sát Giao thông ở Quảng Nam với chi phí hết 400 triệu đồng, cần đặt cọc trước 250 triệu đồng, tháng 11/2016 sẽ có quyết định đi học. Ngày 7/9/2016, vợ chồng chị Trần Thị H, cháu Nguyễn Trọng B đi cùng ông T vào thành phố Hà Tĩnh đưa cho N số tiền 250 triệu đồng kèm một bộ hồ sơ của cháu B.

Sau khi nhận tiền của chị H, N cho lại ông T 5 triệu đồng, số tiền còn lại N đã sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Ông Đặng Thái T đã nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền 5 triệu đồng, cơ quan điều tra đã trả lại số tiền này cho chị Trần Thị H. Hiện nay, chị Trần Thị H yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải hoàn trả số tiền còn lại là 245 triệu đồng.

Lần thứ 22: Vào tháng 10/2016, thông qua chị Trần Thị Hồng V giới thiệu, chị Lê Thị Thái B đã liên hệ nhờ N xin việc cho em trai là Lê Doãn T vào công tác tại bệnh xá Công an Hà Tĩnh. Nguyễn Sỹ N nói dối với chị B là N có thể xin được việc cho em chị B vào bệnh xá Công an tỉnh với chi phí hết 100

triệu đồng, cần đặt cọc trước 60 triệu đồng, khi nào có quyết định đưa nốt số tiền còn lại. Ngày 4/10/2016, Chị B đưa cho N số tiền 60 triệu đồng tại thành phố H để N xin việc cho em trai.

Số tiền Nguyễn Sỹ N đã lừa đảo chiếm đoạt của chị B là 60 triệu đồng, sau khi chiếm đoạt bị can sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Hiện nay chị B yêu cầu N phải trả lại cho chị B số tiền 60 triệu đồng.

Lần thứ 23: Nguyễn Sỹ N là hàng xóm với anh Nguyễn Văn P, tháng 10/2016, anh P có nhờ N làm hồ sơ để “chạy” đền bù thiệt hại thủy hải sản chết do sự cố môi trường biển. Nguyễn Sỹ N nói dối với anh P là N có thể chạy được hồ sơ với chi phí 30 triệu đồng, N hứa trước tết âm lịch năm 2017 sẽ làm hồ sơ xong cho gia đình anh P. Tháng 10/2016, anh Nguyễn Văn P đã đưa cho N 29 triệu đồng tại khu vực Nam cầu C, thành phố H.

Số tiền Nguyễn Sỹ N đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn P là 29 triệu đồng, N sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Đến đầu tháng 11/2016, do anh P nhiều lần yêu cầu trả lại tiền nên chị Trương Thị D (vợ của N) đã trả lại cho anh P 8 triệu đồng. Hiện nay, anh Nguyễn Văn P yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải hoàn trả số tiền còn lại là 21 triệu đồng.

Lần thứ 24: Nguyễn Sỹ N có quan hệ bạn bè với anh Trương Hữu D, trú tại thị trấn T, huyện T, N nói với D là N có khả năng xin việc làm vào Ngân hàng Nông nghiệp Hà Tĩnh, anh D biết ai có nhu cầu thì giới thiệu cho N. Đầu tháng 11/2016, thông qua anh Trương Hữu D giới thiệu, chị Trần Thị Thu H liên hệ với Nguyễn Sỹ N để nhờ N xin việc cho cháu là Trần Thị Thu T. Nguyễn Sỹ N nói dối với chị H là N sẽ xin được việc cho cháu chị H vào làm ở Ngân hàng nông nghiệp Hà Tĩnh, chi phí là 400 triệu đồng, đặt cọc trước 300 triệu đồng, chị H đồng ý và đã chuyển tiền cho N hai lần 390 triệu đồng.

Trong lúc nhờ Nguyễn Sỹ N xin việc cho cháu T, chị Trần Thị Thu H còn nhờ N chạy điểm phúc khảo thi vào kho bạc tỉnh Hà Tĩnh cho con gái chị Nguyễn Thị M (bạn chị H) trú tại phường B, thành phố H. Nguyễn Sỹ N nói dối chị H là N có thể chạy được điểm thi cho con gái chị M với chi phí 300 triệu đồng, đặt cọc trước 200 triệu đồng. Sau đó chị Nguyễn Thị M đã chuyển khoản số tiền 200 triệu đồng vào tài khoản ngân hàng Vietcombank của chị H. Ngày 9/11/2016, sau khi nhận 200 triệu đồng từ chị M thì chị H đã chuyển khoản số tiền 200 triệu đồng vào tài khoản của Nguyễn Sỹ N tại ngân hàng Vietcombank Hà Tĩnh (chị Nguyễn Thị M không biết và không liên hệ trực tiếp với Nguyễn Sỹ N).

Số tiền Nguyễn Sỹ Nhân đã chiếm đoạt của chị Trần Thị Thu H hai lần là 590 triệu đồng. Sau khi nhận tiền của chị H, Nguyễn Sỹ N cho lại anh D 20 triệu đồng, gửi cho anh rẻ là Phạm Văn T 29 triệu đồng, trả lại tiền xin việc cho chị Nguyễn Thị T 150 triệu đồng, số tiền còn lại N sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Sau đó, chị Trần Thị Thu H đã trả lại số tiền 200 triệu đồng cho chị Nguyễn Thị M, còn N chưa trả lại tiền cho chị H. Anh Trương Hữu D và chị Trương Thị D đã nộp lại số tiền 41 triệu đồng, cơ quan điều tra đã trả lại số tiền này cho chị H. Hiện nay, chị Trần Thị Thu H yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải hoàn trả số tiền còn lại là 549 triệu đồng.

Toàn bộ những bộ hồ sơ xin việc mà Nguyễn Sỹ N nhận của những người nêu trên, N đã ném xuống Cầu N, thuộc địa phận xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Cơ quan điều tra đã thu giữ và đưa vào hồ sơ vụ án.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Sỹ N đã lừa đảo chiếm đoạt của 24 người là **8.119.000.000 đồng**, N đã trả lại cho 06 người **1.223.000.000 đồng** (chị Nguyễn Thị T 350 triệu đồng; anh Nguyễn Tiến V 15 triệu đồng; anh Phan Ngọc N 480 triệu đồng; chị Nguyễn Thị Hồng D 170 triệu đồng; Nguyễn Hữu T 200 triệu đồng; anh Nguyễn Văn P 8 triệu đồng). Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho 08 người bị hại, tổng số tiền là **226 triệu đồng** (chị Trần Thu H 41 triệu đồng; chị Nguyễn Thị T 15 triệu đồng; chị Trần Thị H 5 triệu đồng; ông Dương Văn L 20 triệu đồng; anh Nguyễn Tất T 15 triệu đồng; anh Ngô Văn C 5 triệu đồng; chị Dương Thị L 5 triệu đồng; chị Trần Thị Hồng V số tiền 120 triệu đồng). Anh Hồ Văn C không yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải trả lại số tiền 600 triệu đồng. Số tiền còn lại **6.070.000.000 đồng** Nguyễn Sỹ N không có khả năng hoàn trả cho các bị hại. Hiện tất cả những người bị N lừa đảo chiếm đoạt tiền đều có yêu cầu N phải bồi thường, trừ anh Hồ Văn C.

Ngoài ra, Nguyễn Sỹ N còn vay mượn của 16 cá nhân tổng số tiền 2.260.000.000 đồng và 1000 USD, gồm: ông Nguyễn Văn N số tiền 370 triệu đồng; chị Dương Thị H số tiền 100 triệu đồng; anh Nguyễn Văn C số tiền 100 triệu đồng; anh Lê Hữu C số tiền 40 triệu đồng; chị Trần Thị H số tiền 70 triệu đồng; chị Phan Thị Ánh D số tiền 70 triệu đồng; anh Hoàng Văn N số tiền 60 triệu đồng; chị Đậu Thị Kim L số tiền 70 triệu đồng; anh Nguyễn Trung K số tiền 60 triệu đồng; anh Nguyễn Hữu C số tiền 50 triệu đồng; anh Đặng Ngọc X số tiền 500 triệu đồng; chị Trần Thị T số tiền 100 triệu đồng; chị Nguyễn Thị T số tiền 370 triệu đồng; chị Dương Thị L số tiền 200 triệu đồng; anh Nguyễn Tam T số tiền 100 triệu đồng; Nguyễn Thị T số tiền 50 triệu đồng và 1000 USD.

Quá trình điều tra xác định đây chỉ là quan hệ vay mượn dân sự nên không đưa vào giải quyết trong vụ án này.

Về vật chứng vụ án :

* Thu giữ của bị cáo Nguyễn Sỹ N:

- 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 183749146 mang tên Nguyễn Sỹ N;

- 01 (Một) điện thoại di động Iphone 5s, hãng Apple, đã qua sử dụng, số Imei: 352026062382345, trong máy có một sim điện thoại Vinaphone số: 0911431568.

- 01 (Một) điện thoại di động E170 hãng philips, màu vàng, đã qua sử dụng; Số Imei 1: 868922020317372; Số Imei 2: 868922020382376, trong máy có một sim Vinaphone số: 0945742609 và 01 sim không kiểm tra được số thuê bao.

* Thu giữ tại khu vực Cầu N, thuộc địa phận xóm G, xã T, huyện T, Tỉnh Hà Tĩnh 31 bộ hồ sơ xin việc (Cơ quan điều tra đã thống kê tài liệu trong hồ sơ vụ án).

* Thu giữ của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án các loại giấy tờ, tài liệu sau:

- Thu tại Lê Anh T, trú tại tổ 4, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh 01 giấy chứng minh C bản gốc mang tên Nguyễn Sỹ N, số hiệu *** – **3 – Cơ quan điều tra đã bàn giao lại giấy chứng minh C cho Phòng tổ chức cán bộ - công an tỉnh quản lý theo quy định.

- 12 giấy chứng minh C (bản Scan) mang tên Nguyễn Sỹ N, số hiệu *** – **3 thu tại người bị hại, người liên quan trong vụ án (Cơ quan điều tra đã thống kê tài liệu trong hồ sơ vụ án).

- 02 thẻ đảng viên (bản Scan) mang tên Nguyễn Sỹ N, số hiệu **.*****7 (CQĐT đã thống kê tài liệu trong hồ sơ vụ án).

- 01 bằng tốt nghiệp Học viện A mang tên Nguyễn Sỹ N; Số hiệu: *****2 thu tại ông Nguyễn Văn N, trú tại Khối 2, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (CQĐT đã trả lại cho bố bị can là ông Nguyễn Sỹ N).

- 01 Quyết định 304 ngày 14/6/2012 của Công an tỉnh Hà Tĩnh thu tại ông Nguyễn Văn N, trú tại Khối 2, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (Cơ quan điều tra đã thống kê tài liệu trong hồ sơ vụ án).

* Thu của chị Trương Thị D (sinh 1989, trú tại tổ 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh):

- 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu đỏ, biển số đăng ký: 38A – 137.15, đã qua sử dụng.

- 02 (Hai) chìa khóa xe ô tô Mazda 3.

- 01 (Một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số *****6, của xe Mazda BKS: 38A- ***.*5.

- 01 (Một) biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ số *****5 ngày 10/11/2016, người nộp: Trương Thị D.

- 01 (Một) giấy chứng nhận bảo hiểm của chủ xe ô tô mang tên Trương Thị D - tổ 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Xe ô tô Mazda 3 của chị Trương Thị D và bị cáo Nguyễn Sỹ N hiện đang là tài sản thế chấp tại Ngân hàng ngân hàng Sacombank (*theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 18.11.2016/HĐTC-ĐS/SB*). Quá trình điều tra chị Trương Thị D đã nộp lại số tiền 120 triệu đồng mà Nguyễn Sỹ N đưa cho chị D mua xe ô tô Mazda3. Do không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Trương Thị D những đồ vật, tài sản nêu trên.

Với hành vi trên, tại bản cáo trạng số 18/CTr – KSĐT, ngày 16 tháng 5 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố Nguyễn Sỹ N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện VKS nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm o, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ N từ 18 đến 20 năm tù.

Về dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Nguyễn Sỹ N bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 6.070.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung công quỹ Nhà nước hai chiếc điện thoại thu giữ từ bị cáo mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Tại phiên tòa bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THÁY:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai có tại hồ sơ, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Trong thời gian từ cuối năm 2014 đến tháng 11/2016, Nguyễn Sỹ N công tác trong ngành Công an do vay nợ cá độ bóng đá, chơi lô đề, tiêu xài cá nhân không có khả năng thanh toán. Với mục đích chiếm đoạt tài sản của những người có nhu cầu xin việc làm, xin chuyển công tác, chạy điểm thi vào các trường, thi công chức... để lấy tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân và chơi lô đề, cá độ bóng đá. Nguyễn Sỹ N đã lợi dụng danh nghĩa là cán bộ Công an, bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật như: N quen biết nhiều người ở Bộ công an, Lãnh đạo tỉnh... có khả năng xin vào ngành Công an, Ngân hàng và các Cơ quan nhà nước, chạy chuyển công tác, chạy điểm... để lừa đảo chiếm đoạt của 24 người trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An và Bình Dương với tổng số tiền **8.119.000.000 đồng** (tám tỷ, một trăm mười chín triệu đồng). Trong quá trình Nguyễn Sỹ N thực hiện hành vi phạm tội, phát hiện bị lừa nên những người đã đưa tiền cho N yêu cầu trả lại tiền thì N mới trả lại một phần trong tổng số tiền đã chiếm đoạt cho 06 người là **1.223.000.0000 đồng**, số tiền còn lại **6.070.000.000 đồng** (đã trừ 600 triệu đồng anh Hồ Văn C không yêu cầu).

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin sai sự thật để lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của 24 người bị hại với tổng số tiền **8.119.000.000 đồng**, của Nguyễn Sỹ N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Vì vậy, cáo trạng số 18/CTr-KSĐT ngày 16/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Nguyễn Sỹ N theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, đã xâm phạm quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại nặng nề về kinh tế đối với nhiều người, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe chung đối với xã hội.

Tuy nhiên, cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Sỹ N, vì bị cáo có nhân thân tốt, khi nhận thức được hành vi sai phạm bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan điều tra tự thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn, con còn

nhỏ, vợ không có việc làm, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ N từ 18 đến 20 năm tù là có phần nặng, nên cần xem xét để xử bị cáo mức hình phạt thấp hơn hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự cần tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Sỹ N để đảm bảo cho công tác thi hành án.

Liên quan trong vụ án còn có:

- Trong quá trình điều tra Nguyễn Sỹ N khai đã sử dụng số tiền lừa đảo chiếm đoạt được đánh bạc dưới hình thức lô đề, cá độ bóng đá với: Hoàng Thị Y, Nguyễn Trí K, Nguyễn Hoài N, Nguyễn Quang V, Nguyễn Thị T. Cơ quan điều tra đã xác minh tại ngân hàng có giao dịch chuyển tiền giữa Nguyễn Sỹ N với các đối tượng trên. Tuy nhiên, Nguyễn Quang V và Nguyễn Thị T không thừa nhận đã đánh bạc với N, số tiền N chuyển là tiền N trả nợ, nên chưa đủ cơ sở kết luận về hành vi đánh bạc. Còn đối tượng khác, Hoàng Thị Y, Nguyễn Trí K, Nguyễn Hoàng N, Cơ quan điều tra đã triệu tập để làm việc nhưng không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì thì gia đình và chính quyền địa phương không rõ. Vì vậy, cơ quan điều tra tách hành vi này để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

- Đối với ông Trần Nguyên T, ngày 23/5/2016, có tham gia cùng Nguyễn Sỹ N khi N đang thực hiện hành vi lừa đảo anh Nguyễn Tất T ở Bình Dương, khi N giới thiệu ông T là cán bộ của Bộ Công an với anh T để làm tin thì ông T không có phản ứng gì và đồng ý với ý đồ của N. Tuy nhiên, ông Trần Nguyên T không biết mục đích N giới thiệu ông T là cán bộ Bộ Công an là để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T. Bản thân ông T nghĩ N có khả năng xin việc làm vì trước đó ông T cũng đã nhờ N xin việc cho người quen của ông T. Vì vậy, chưa đủ căn cứ để xem xét vai trò đồng phạm với Nguyễn Sỹ N của ông Trần Nguyên T trong vụ án này.

- Đối với ông Nguyễn Như H, Nguyễn Quốc T, Đặng Thái T, Vương Khả M, Trương Hữu D và Trần Nguyên T có hành vi giới thiệu cho Nguyễn Sỹ N những người có nhu cầu xin việc làm và N có cho những người giới thiệu số tiền từ 5 triệu đồng đến 20 triệu đồng là tiền chi phí đi lại, tiền điện thoại, cảm ơn việc giới thiệu. Nguyễn Sỹ N có đưa cho vợ là chị Trương Thị D số tiền 120 triệu đồng để mua xe ô tô, đưa cho anh rể Phạm Văn T giữ hộ số tiền 29 triệu đồng. Tuy nhiên, những người này không biết Nguyễn Sỹ N có hành vi lừa đảo

chiếm đoạt tài sản, không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội có được nên không có sơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với họ. Hiện nay những người này đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số tiền nói trên để trả lại cho bị hại.

- Đối với những người đã đưa tiền cho Nguyễn Sỹ N để nhờ “xin việc” cũng có một phần lỗi, là hành vi sai trái, đáng phải lên án. Tuy nhiên, khi đưa tiền cho Nguyễn Sỹ N những người này cũng không biết N sẽ đưa cho ai, do vậy quá trình điều tra xác định không đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với họ.

- Trong vụ án này chị Nguyễn Thị L (sinh năm 1982; trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh); chị Hoàng Thị H (sinh năm 1957; trú tại phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An); Chị Nguyễn Thị M (sinh năm 1968; Trú tại phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh) là những người thông qua người khác để đưa tiền cho Nguyễn Sỹ N, bản thân họ không biết Nguyễn Sỹ N là ai, nên xác định họ là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

*** Về phần dân sự:** Tổng số tiền Nguyễn Sỹ N đã lừa đảo chiếm đoạt của 24 người là **8.119.000.000 đồng**, N đã trả lại cho 06 người **1.223.000.000 đồng** (chị Nguyễn Thị T 350 triệu đồng; anh Nguyễn Tiên V 15 triệu đồng; anh Phan Ngọc N 480 triệu đồng; chị Nguyễn Thị Hồng D 170 triệu đồng; anh Nguyễn Hữu T 200 triệu đồng; anh Nguyễn Văn P 08 triệu đồng). Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho 08 người bị hại, tổng số tiền là **226 triệu đồng** (chị Trần Thu H 41 triệu đồng; chị Nguyễn Thị T 15 triệu đồng; chị Trần Thị H 05 triệu đồng; ông Dương Văn L 20 triệu đồng; anh Nguyễn Tất T 15 triệu đồng; anh Ngô Văn C 05 triệu đồng; chị Dương Thị L 05 triệu đồng; chị Trần Thị Hồng V số tiền 120 triệu đồng).

Tại phiên toà anh Hồ Văn C vắng mặt, tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án thì quá trình điều tra anh C không yêu cầu Nguyễn Sỹ N phải trả lại số tiền 600 triệu đồng bị N chiếm đoạt, nên Hội đồng xét xử không buộc bị cáo bồi thường số tiền này cho anh C.

Số tiền còn lại **6.070.000.000 đồng**, hiện tất cả những người bị N lừa đảo chiếm đoạt tiền đều có yêu cầu N phải bồi thường. Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc bị cáo Nguyễn Sỹ N phải có nghĩa vụ bồi thường cho những người bị hại toàn bộ số tiền do nhân chiếm đoạt chưa được bồi thường và có yêu cầu bồi thường.

*** Về vật chứng:**

Đối với các vật chứng chưa xử lý cần áp dụng điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

- Đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân số *****6 mang tên Nguyễn Sỹ N. Đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại mà quá trình phạm tội bị cáo đã sử dụng liên lạc với những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể: 01 (Một) điện thoại di động Iphone 5s, hãng Apple, đã qua sử dụng, số Imei: 352026062382345, trong máy có một sim điện thoại Vinaphone số: 0911431568; 01 (Một) điện thoại di động E170 hãng philips, màu vàng, đã qua sử dụng; Số Imei 1: 868922020317372; Số Imei 2: 868922020382376, trong máy có một sim Vinaphone số: 0945742609 và 01 sim không kiểm tra được số thuê bao.

*** Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Sỹ N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Sỹ N phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản":

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Sỹ N 17 (mười bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 22/11/2016).

2. Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Sỹ N phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền chưa được bồi thường và có yêu cầu bồi thường, cụ thể: Bồi thường cho anh Nguyễn Sỹ H 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng); bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 335.000.000 đồng (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng); bồi thường cho anh Trần Nguyên T 100.000.000đ (một trăm triệu đồng); bồi thường cho anh Trần Văn L 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng); bồi thường cho anh Phan Ngọc N 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); bồi thường cho anh Ngô Văn C 395.000.000 đồng (ba trăm chín mươi lăm triệu đồng); bồi thường cho ông Dương Văn L 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Tiến V 505.000.000 đồng (năm trăm linh năm triệu đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Văn T 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Tất T 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng); bồi thường cho chị Dương Thị L 235.000.000 đồng (hai trăm ba mươi

lăm triệu đồng); bồi thường cho anh Vương Khả P 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng); bồi thường cho ông Dương Kim H 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng); bồi thường cho chị Võ Thị H 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); bồi thường cho chị Lê Thị T 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng); bồi thường cho anh Trần Văn Đ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); bồi thường cho chị Trần Thị Hồng V 680.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi triệu đồng); bồi thường cho chị Trần Thị H 245.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng); bồi thường cho chị Lê Thị Thái B 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Văn P 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng); bồi thường cho chị Trần Thị Thu H 549.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho Nguyễn Sỹ N 01 Giấy chứng minh nhân dân số *****6 mang tên Nguyễn Sỹ N.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của Nguyễn Sỹ N, gồm: 01 (một) điện thoại di động Iphone 5s, hãng Apple, đã qua sử dụng, số Imei: 352026062382345, trong máy có một sim điện thoại Vinaphone số: 0911431568 và 01 (Một) điện thoại di động E170 hãng philips, màu vàng, đã qua sử dụng; Số Imei 1: 868922020317372; Số Imei 2: 868922020382376, trong máy có một sim Vinaphone số: 0945742609 và 01 sim không kiểm tra được số thuê bao.

Tình trạng cụ thể các vật chứng có tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Pháp lệnh 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo Nguyễn Sỹ N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 132.700.000 đồng án phí dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- Phòng PV27 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng PC44 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng LLTP Sở Tư pháp;
- Thi hành án hình sự TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNG liên quan;
- Lưu HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Quang